TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-PT
Ngày 08 - 4 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Bình

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Ái Loan

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Bích Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2024/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn"

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Sơn Thị Ngọc L, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng O, là Luật sư của Văn phòng luật sư S, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Kiên C, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: Ấp R, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Thạch C, sinh năm 1977 (xin vắng mặt);

2. Bà Thạch Thị H, sinh năm 1978 (xin vắng mặt);

Cung địa chỉ: Ấp R, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh

3. Bà Thạch Thị T1 (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Thạch Thị T1:

3.1. Ông Thạch S, sinh năm 1952; địa chỉ: Ấp R, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (xin vắng mặt).

3.2. Ông Thạch C(đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thạch Cay:

3.2.1. Chị Thạch Thị Si M, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp Cây Xoài, xã Ngũ Lạc, huyện D, tỉnh Trà Vinh (xin vắng mặt);

3.2.1. Anh Thạch Si N, sinh năm 1977 (xin vắng mặt);

3.2.1. Anh Thạch Sa N, sinh năm 1981 (xin vắng mặt);

3.2.2. Chị Thạch Thị Sa R, sinh năm 1983 (xin vắng mặt);

3.2.3. Anh Thạch S, sinh năm 1985 (xin vắng mặt);

3.3.3. Chị Thạch Thị Chane T, sinh năm 1992 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Anh Kiên C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Sơn Thị Ngọc L trình bày: Năm 2005 chị và anh Kiên C tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lạc, huyện D, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn chị nộp đơn xin ly hôn với anh C vào năm 2012, Bản án số 23/2022/HNST-ST ngày 19/11/2012 của Tòa án nhân dân huyện D giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kiên C, chị được nuôi cháu Kiên Thị Ngọc T và anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Năm 2014 vì nghĩ đến con gái nên chị và anh C chung sống lại và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Huyền Hội, huyện Càng Long vào ngày 24/6/2014, trong thời gian chung sống anh C xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc và có bạn gái bên ngoài nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng trong cuộc sống, anh chị đã ly thân hơn 01 năm, nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ chung sống lâu dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kiên C, về con chung chị và anh Cchỉ có 01 con chung duy nhất là cháu Kiên Thị Ngọc T sinh ngày 05/12/2005 chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con theo nguyện vọng của con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Về tài sản chung gồm: Thửa đất 1040 diện tích 850m^2, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện D và cây cối trên đất, nguồn gốc do chị và anh Cnhận chuyển nhượng của bà Thạch Thị T1, anh Thạch C và chị Thạch Thị H vào ngày 12/8/2005, có làm giấy tay, chưa làm thủ tục sang tên cấp quyền sử dụng đất, đất do anh C quản lý. Chị thống nhất giá đất và cây cối trên đất theo biên bản định giá ngày 16/8/2023 là 103.345.000 đồng, chị yêu cầu nhận ½ giá trị, chị đồng ý giao thửa đất 1040 và cây cối trên đất cho anh Cquản lý, sử dụng. Ngoài ra, chị và anh Cco mua hai chiếc máy cày, thời điểm mua giá 250.000.000 đồng, anh Ckhai đã bán 160.000.000 đồng, chị không biết việc anh Cbán hai chiếc máy cày này, nhưng chị vẫn thống nhất với lời khai của anh Cvà yêu cầu được hưởng ½ số tiền này. Về nợ chung, vợ chồng không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Kiên C trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, về con chung như chị L trình bày. Nay chị L xin ly hôn anh đồng ý, về con chung chỉ có 01 người con chung tên Kiên Thị Ngọc T, sinh ngày 05/12/2005 anh thống nhất giao con cho chị L nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con và anh không cấp dưỡng. Về tài sản chung, anh thừa nhận 02 chiếc máy cày cho vợ chồng mua, nhưng đã bán với giá 160.000.000 động và đã tiêu xài hết trong

gia đình nên không đồng ý chia. Đối với thửa 1040 diện tích 850m^2, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện D và cây cối trên đất do anh tự bỏ tiền ra nhận chuyển nhượng của bà Thạch Thị T1, anh Thạch C và chị Thạch Thị H vào ngày 12/8/2005, không phải là tài sản chung của vợ chồng nên không đồng ý chia theo yêu cầu của chị L. Vợ chồng không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Thạch C, chị Thạch Thị H xin vắng mặt có ý kiến trình bày tại biên bản xác minh ngày 03/4/2023 như sau: Thửa đất số 1040 diện tích 850m^2 tờ bản đồ số 4 tọa lạc ấp R, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh là do bà nội tên Thạch Thị T1 chuyển nhượng cho vợ chồng chị L, anh C vào năm 2005, do lúc đó anh C bị bệnh cần tiền, bà nội đang ở chung với hai vợ chồng anh nên bà nội cho đất bán để lấy tiền trị bệnh, anh C đã canh tác trên thửa đất này từ lúc làm giấy tay mua bán đến nay, còn việc sang tên tách thửa hay chưa thì họ không biết. Nay vợ chồng chị L, anh Cly hôn anh chị không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với thửa đất 1040.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua ông Thạch S, chị Thạch Thị Si M, anh Thạch Si N, anh Thạch Sa N, chị Thạch Thị Sa R, anh Thạch Sa R, chị Thạch Thị Chane T đều xin vắng mặt có ý kiến trình bày tại biên bản xác minh ngày 24, 25/7/2023 như sau: Thửa đất 1040 diện tích 850m^2 đất, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện D và cây cối trên đất, bà nội các anh chị là Thạch Thị T1 có chuyển nhượng cho vợ chồng chị L, anh Chay không thì các anh chị không biết, nay vợ chồng chị L, anh Cly hôn yêu cầu chia thửa đất 1040 nêu trên thì các anh chị không có ý kiến, cũng không yêu cầu gì đối với thửa đất này.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị Ngọc L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Sơn Thị Ngọc L được ly hôn anh Kiên C.

Về con chung: Đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét, giải quyết lại.

Về tài sản chung: Chia tài sản chung là thửa đất 1040 diện tích 850m^2 đất (thực đo 811,3m^2) tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện D và các tài sản trên đất được Tòa án định giá vào ngày 16/8/2023 có giá 103.345.000 đồng. Cho chị L được hưởng 04 phần giá trị là 41.338.000 đồng và ½ giá trị của hai cái máy cày mà anh C khai nhận đã bán với giá 160.000.000 đồng nên chị L được hưởng là 80.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền anh Cphải trả chênh lệch cho chị L là 121.338.000 (Một trăm hai mươi mốt triệu ba trăm ba mươi tám ngàn) đồng.

Anh Kiên C được tiếp tục quản lý, sử dụng và có quyền, nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1040 diện tích 850m^2 đất (thực đo 811,3m^2), tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện D theo quy định của pháp luật đất đai tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi án có hiệu lực pháp luật. (có sơ đồ kèm theo).

Anh Kiên C là chủ sở hữu các tài sản trên đất gồm cây dầu phi 20-25: 30 cây; phi 5-10: 56 cây; phi 5: 09 cây, ngoài ra trên đất không có tài sản gì khác.

Phần đất anh được hưởng 06 phần giá trị là 62.007.000 (Sáu mươi hai triệu không trăm lẻ bay ngàn) đồng và ½ giá trị hai cái máy cày như anh thừa nhận là

80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng, tổng số tiền anh được hưởng là 142.007.000 (Một trăm bốn mươi hai triệu không trăm lẻ bảy ngàn) đồng.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 30/10/2023, nguyên đơn anh Kiên C kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh, công nhận thửa đất 1040 diện tích 850m^2 đất (thực đo 811,3m^2) tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện D và cây cối trên đất là tài riêng của anh.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Thửa đất 1040 diện tích 850m^2 đất (thực đo 811,3m^2) tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện D chị L chứng minh được giấy tay mua bán chị và anh C mua của bà Thôn, Thạch C, Thạch Thị H được xem là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên phải được chia đôi, giao đất cho anh C quản lý và anh C trả giá trị là hợp lý. Đối với 02 chiếc máy cày anh C thừa nhận bán được 160.000.000 đồng, anh cho rằng dùng số tiền này chi tiêu cho sinh hoạt gia đình, chị L không thừa nhận anh C không chứng minh được việc sử dụng số tiền vào mục đích chung của gia đình nên số tiền này phải chia đôi là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tụng tụng dân sự giữ nguyên án sơ thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Trà Vinh tại phiên tòa: Về tố tụng: Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Xét đơn kháng cáo của bị đơn, còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung vụ án: Anh C kháng cáo không chấp nhận chia ½ thửa đất 1040 diện tích 850m^2 đất (thực đo 811,3m^2) tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện D và cây cối trên đất, không chấp nhận chia đôi số tiền 160.000.000 đồng tiền bán máy cày, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm anh không chứng minh được đất mua riêng thuộc quyền của cá nhân anh, số tiền bán hai chiếc máy cày anh đã dùng chi tiêu cho cuộc sống gia đình nên chia đôi, anh C phải giao lại cho chị L 80.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tụng tụng dân sự giữ y án sơ thẩm, buộc anh Cphải nộp án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Xét đơn kháng cáo của bị đơn, còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Kiên C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân anh C và chị L đã có hai lần kết hôn nhưng cuộc sống giữa anh Cvà chị L không hạnh phúc, trong cuộc sống thường xuyên cải nhau, mâu thuẩn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh chị đã ly thân trên 01 năm, cấp sơ thẩm chấp nhận cho anh chị ly hôn là đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu nuôi con chung, vào năm 2012 đã được Tòa án nhân dân huyện D giải quyết bằng Bản án số 23/2012/HNGĐ-ST ngày 19/11/2012 quyết định giao "Giao cho chị Sơn Thị Ngọc L nuôi cháu Kiên Thị Ngọc T, buộc anh Kiên C cấp dưỡng nuôi cháu Kiên Thị Ngọc T mỗi tháng 525.000 đồng cho đến khi cháu Kiên Thị Ngọc T tròn 18 tuổi", nên chị L, anh Cphải thực hiện theo bản án đã có hiệu lực pháp luật này, các đương sự không có yêu cầu thay đổi nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nên không xem xét.

Đối thửa đất 1040 diện tích 850m^2 (thực đo 811,3m^2), tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện D chị L chứng minh được "Giấy sang nhận công đất ruộng gò" đề ngày 12/8/2005, "Người chủ đất" (bên chuyển nhượng) là Thạch Thị T1, Thạch C (cháu bà Thôn), Thạch Thị H (vợ Thạch C); "Người chủ bạc" (bên nhận chuyển nhượng) Kiên C, Sơn Thị Ngọc L, tại biên bản xác minh anh Thạch C và chị Thạch Thị H (BL 29, 30) là người chuyển nhượng đất cũng khẳng định chuyển nhượng thửa đất 1040 cho vợ chồng anh C, chị L, việc này anh Kiên C cũng thừa nhận giấy sang đất này là sự thật, anh xác định thời điểm lập giấy tay sang đất ngày 12/8/2005 là lúc mới cưới chị L nên để tên chị L vào giấy tay ngày 12/8/2005, như vậy xác định thửa đất 1040 diện tích 850m^2 (thực đo 811,3m^2) là của vợ chồng cùng nhận chuyện nhượng từ tiền dành dụm của vợ chồng, từ đó có đủ căn cứ xác định thửa đất 1040 là tài sản chung của chị L và anh C tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, việc anh C nại ra cho rằng việc anh mua đất là tiền của cá nhân anh nhưng anh không chứng minh được cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở để chấp nhận. Do đó việc chị L yêu cầu chia đôi thửa đất 1040 diện tích 850m^2 là có căn cứ. Xét về quá trình quản lý, sử dụng đất chị L cũng thừa nhận từ khi nhận chuyển nhượng đất đến nay anh Kiên C quản lý, sử dụng; cây cối trên đất do anh Kiên C trồng, chị không có cùng quản lý, sử dụng đất này nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tính công sức đóng góp duy trì và phát triển khối tài sản chung cho anh C, chia thửa đất 1040 (theo tỷ lệ anh C được nhận 60%, chị L 40%), giao cho anh Csẽ tiếp tục quản lý, sử dụng thửa 1040 và toàn bộ cây cối trên đất, anh Ccó nghĩa vụ thanh toán 40% giá trị đất và tài sản trên đất cho chị L là đã có xem xét cân nhắc điều kiện sử dụng đất và công sức đóng góp của từng người phù hợp, có cơ sở.

Đối với yêu cầu về tài sản chung là 02 chiếc máy cày nhãn hiệu KUBOTA, anh Cthừa nhận là do vợ chồng cùng mua 250.000.000 đồng nhưng cho rằng đã bán giá 160.000.000 đồng dùng vào chi tiêu trong gia đình không đồng ý chia, Chị L không thừa nhận, đồng thời chị L thống nhất giá bán 02 chiếc máy cày là 160.000.000 đồng (do anh Kiên C quản lý, sử dụng), số tiền này chị yêu cầu chia đôi được cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Từ những các cơ sở chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phúc thẩm: Anh Kiên C phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Kiên C, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị Ngọc L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sơn Thị Ngọc L được ly hôn anh Kiên C.

1.2. Về con chung: Được Tòa án nhân dân huyện D giải quyết bằng Bản án số 23/2012/HNGĐ-ST ngày 19/11/2012 đã có hiệu lực pháp luật hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết lại.

1.3. Về tài sản chung: Chấp nhận chia thửa đất 1040 diện tích 850m^2 đất (thực đo 811,3m^2) tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện D và cây cối trên đất, có giá trị bằng 103.345.000 đồng (trong đó anh Kiên C được chia 60%, chị Sơn Thị Ngọc L được chia 40%) , cụ thể:

Anh Kiên C có nghĩa vụ thanh toán cho chị Sơn Thị Ngọc L theo tỷ lệ 40% phần giá trị thửa đất 1040 và các tài sản trên đất số tiền bằng 41.338.000 đồng.

Anh Kiên C được tiếp tục quản lý, sử dụng và có quyền, nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1040 diện tích 850m^2 đất (thực đo 811,3m^2), tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện D và cây cối trên đất theo quy định của pháp luật đất đai tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi án có hiệu lực pháp luật. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Phần đất ký hiệu (A): Hướng Đông giáp thửa 1041, kích thước 21,32m; hướng Tây giáp thửa 1039, kích thước 20,41m; hướng Nam giáp thửa 1038, kích thước 39.00m; hướng Bắc giáp thửa 852, kích thước 38,30m. Cây cối trên đất gồm cây dầu phi 20-25: 30 cây; phi 5-10: 56 cây; phi 5: 09 cây, ngoài ra trên đất không có tài sản gì khác.

(Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 411/CNHDH ngày 30/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D)

Chấp nhận chia đôi giá trị của hai cái máy cày mà anh Kiên C khai nhận đã bán với giá 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng). Anh Kiên C, chị Sơn Thị Ngọc L mỗi người được chia 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Anh Kiên C có nghĩa vụ thanh toán cho chị Sơn Thị Ngọc L số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Tổng số tiền anh C có nghĩa vụ thanh toán cho chị L là 121.338.000 đồng (một trăm hai mươi mốt triệu ba trăm ba mươi tám ngàn)

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được Thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền ở trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.4. Về nợ chung: Các đương sự không có không yêu cầu, Tòa án không xem xét, giải quyết,

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Kiên C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0019271 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Trà Vinh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Hữu Bình

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ái Loan **Ngô Thị Kim Châu** **Trịnh Hữu Bình**